

Bản án số: 121/2024/DS-ST
Ngày: 26/8/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.

2. Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2024/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2024/QĐXX-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984 (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Đức D là chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984 (ủy quyền ngày 01/7/2024, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/05/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Từ ngày 30/3/2021 âm lịch đến ngày 16/5/2021 âm lịch chị T có cho chị C vay số tiền 80.000.000đ, cụ thể vào các ngày như sau:

Ngày 30/03/2021 âm lịch vay số tiền 25.000.000đ.

Ngày 08/5/2021 âm lịch vay tiếp số tiền 10.000.000đ.

Ngày 15/5/2021 âm lịch vay tiếp số tiền 15.000.000đ.

Ngày 16/5/2021 âm lịch vay tiếp số tiền 30.000.000đ. Khi vay chỉ nói miệng không có làm biên nhận, mục đích vay tiền để làm ăn khi nào hết hụi sẽ trả, có đóng lãi 02 lần là 2.000.000đ. Sau đó, chị C kêu chị T chơi dùm 01 dây hụi tháng loại hụi 1.000.000đ để chị C hết hụi trả tiền cho chị T, chị C có đóng hụi nhưng không nhớ mấy lần và trừ vào tiền vay nên còn lại 72.000.000đ. Do chị C không trả nên chị T làm đơn yêu cầu hòa giải thì chị C có trả nhiều lần là 9.000.000đ, còn nợ lại 63.000.000đ. Chị T không biết việc chị C vay tiền dùm chị Nguyễn Thị Kim N (B) và chị Th. Chị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C và chồng là anh Nguyễn Đức D phải trả cho T số tiền nợ vay vốn là 63.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Vào năm nào không nhớ em ruột của chị C tên Nguyễn Thị Kim N (B) và cháu dâu tên Th có hỏi chị C ai cho tiền ngày để vay, chị C nói chị T có cho vay tiền ngày 1.000.000đ tiền lãi 4.000đ, 10 ngày trả tiền lãi một lần, nếu chị N và chị Th đồng ý thì chị C giới thiệu vay tiền. Sau đó chị C có đến nhà chị T để chị T nói chuyện điện thoại với chị N và chị Th, giữa chị T đưa tiền cho chị N và chị Th thì chị C không biết. Chị N và chị Th có gửi tiền chị C trả tiền lãi cho chị T, đóng lãi khoảng 20 lần. Sau đó chị N và chị Th bẻ hụi nên bỏ địa phương đi thì chị T có đến gặp chị C nói tìm chị N và chị Th lấy tiền dùm 80.000.000đ. Chị Th và chị N có nhờ chị C nói chị T chơi dùm 01 phần hụi tháng loại hụi 1.000.000đ. Chị Th và chị N có gửi tiền về cho chị C đóng hụi 08 lần nhưng trong 08 lần này có lúc gửi tiền không đủ nên chị C bù tiền đóng hụi. Sau khi hết hụi chị T có viết giấy tổng số tiền nợ là 80.000.000đ trừ 14.000.000đ tiền hụi còn 66.000.000đ. Khi đang đóng hụi thì chị T đòi phải trả tiền nên chị C không đóng hụi dùm nữa. Khi hòa giải ở ấp K, xã N thì chị C có trả tiền do chị Th và chị N gửi về trả cho chị T từ ngày 25/7/2022 đến ngày 29/5/2024 là 9.000.000đ. Sự việc này anh Nguyễn Đức D chồng chị C không biết. Do gia đình chị C khó khăn chồng, con bị bệnh không có khả năng trả tiền dùm. Chị N và chị Th cho rằng đã đóng lãi cho chị T số tiền quá lớn nên không đồng ý trả tiền cho chị T. Nay chị C không đồng ý trả chị T số tiền vay 63.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T trình bày vào ngày 04/12/2021 thì chị T và chị C có kết nợ lại là chị C nợ chị T 80.000.000đ, trừ 14.000.000đ còn 66.000.000đ, chị C đóng hụi chết 10 tháng bắt đầu ngày 10/01/2022, biên nhận do chị T viết đưa chị C giữ, chị C không đóng hụi chết theo thỏa thuận nên chị T nhờ chính quyền địa phương giải quyết, sau khi Tổ hòa giải ấp K, xã N hòa giải ngày 15/7/2022 thì chị C thông nhất nợ 72.000.000đ, chị C có trả nhiều lần là 9.000.000đ nên còn nợ lại 63.000.000đ. Chị T yêu cầu chị C trả số tiền nợ 63.000.000đ, không yêu cầu anh D trả số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị C và chị C đại diện anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị C cung cấp bản gốc tờ kết nợ ghi ngày 04/12/2024 và các tờ giấy ghi nội dung chị C trả tiền cho chị T từ ngày 25/07/2022 đến ngày 29/5/2024 có chữ ký tên người nhận tiền là chị T nhưng chị C không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung, chị C phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 96 và 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày của chị T vào năm 2021 chị T có cho chị C vay tiền nhiều lần tổng cộng là 80.000.000 đ, khi vay tiền không làm biên nhận, đến ngày 04/12/2021 chị T có viết cho chị C tờ giấy có nội dung: “ *C tổng cộng 80.000.000đ, trừ 14.000.000đ còn 66.000.000đ, C đóng hụi chết 10 tháng bắt đầu tháng 10/01/2022; 15/01 đóng tới tháng 10 năm*” có chữ ký tên của chị C và chị T đồng thời chị T có ghi: “ *C mượn cho Th 35 triệu, mượn cho B 45 triệu*”, bản gốc tờ kết nợ ngày 04/12/2021 chị C giữ. Tại phiên tòa, chị T thừa nhận toàn bộ nội dung này là do chị T viết, số tiền 14.000.000 đ trừ vào 80.000.000đ tiền nợ gốc là do chị T chơi hụi dùm chị C, hốt hụi được 14.000.000 đ nhưng do chị C không đóng hụi chết nên nội dung này không thực hiện được. Do vậy chị T có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại biên bản hòa giải ngày 15/7/2022 của Tổ hòa giải ấp K, xã N chị C trình bày: “ *Tôi chỉ giới thiệu cho em*

tôi là Nguyễn Thị Kim N (B) và cháu tôi là Th, số tiền thiếu thật sự là 72.000.000đ, chứ không phải là 80.000.000đ ” mặc dù biên bản hòa giải là bản phô tô, chị T không cung cấp được bản gốc cho Tòa án nhưng nội dung biên bản hòa giải này phù hợp với chứng cứ do chị C cung cấp tại tờ giấy ghi nhận mỗi tháng chị C trả tiền cho chị T có ghi: “ C nhận trả dùm em và cháu tổng số tiền 72.000.000đ ”. Sau khi cộng số tiền chị C trả chị T tổng cộng là 9.000.000đ phù hợp với lời thừa nhận của chị T là chị C có trả cho chị được 9.000.000 đ sau khi Tổ hòa giải ấp K, xã N hòa giải.

[4] Chị C không thừa nhận có vay tiền của chị T mà chỉ vay tiền dùm chị B (N) và chị Th và trả tiền vay dùm họ. Chị Th trình bày là chị nhờ chị C vay tiền dùm nhưng đã trả xong cho chị T, số tiền 35.000.000 đ là chị Th vay của chị T, các lần trả tiền thì chị Th gửi tiền cho chị C trả chị T. Xét thấy, chị C trình bày là mượn tiền dùm chị Th và chị B nhưng chị T không thừa nhận cho chị Th và chị B vay tiền, chị C đã đồng ý trả tiền nợ cho chị T và các lần trả nợ là do chị C trực tiếp trả cho chị T. Do vậy có căn cứ xác định chị C vay tiền của chị T, trường hợp chị C mượn tiền dùm cho chị Th và chị B (N) thì trách nhiệm của chị C là người bảo lãnh cũng phải trả nợ cho chị T thay cho chị Th và chị B (N) do là người bảo lãnh, sau đó chị C được quyền khởi kiện chị Th và chị B (N) đòi số tiền nợ bằng vụ kiện dân sự khác. Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị C có nghĩa vụ trả chị T số tiền nợ vay 63.000.000đ là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị C phải nộp án phí như sau: $63.000.000đ \times 5\% = 3.150.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 335, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả chị Trần Thị Thanh T số tiền nợ vay vốn là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp án phí sơ thẩm là 3.150.000đ (ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chị Trần Thị Thanh T không phải nộp án phí sơ thẩm; hoàn trả chị T số tiền nộp tạm ứng án phí 1.617.000đ (một triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009128 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Ngọc Dung